

An Giang, ngày 12 tháng 5 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước ít biến đổi. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-45cm..
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước ít biến đổi. Mực nước cao nhất ngày 11/5 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 11/5 phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước xuống chậm, đỉnh triều tại trạm Xẻo Rô ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế lên chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong 3 ngày đầu, sau lên lại
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống chậm theo triều tới ngày 13/05, sau lên lại tới ngày 19/05.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh ảnh hưởng đến cây trồng và nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

13/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với 10/05	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Dự báo							
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	11/05					12/05	13/05	14/05	15/05	16/05			
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	127	-2	▼	17	▲	35	▲	127	130	133	136	150
					Hmin	-13	-1	▼	23	▲	2	▲	-17	-10	-7	-19	-28
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	138	-2	▼	24	▲	50	▲	138	141	144	147	161
					Hmin	-21	-1	▼	26	▲	23	▲	-25	-18	-15	-27	-36
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	122	-1	▼	35	▲	25	▲	122	125	128	131	145
					Hmin	30	1	▲	25	▲	11	▲	26	33	36	24	15
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	140	-3	▼	14	▲	43	▲	140	143	146	149	163
					Hmin	-17	1	▲	17	▲	5	▲	-21	-14	-11	-23	-32
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	147	-3	▼	16	▲	50	▲	147	150	153	156	170
					Hmin	-20	0	◀▶	20	▲	34	▲	-24	-17	-14	-26	-35
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	136	-4	▼	18	▲	41	▲	136	139	142	145	159
					Hmin	-22	1	▲	21	▲	12	▲	-26	-19	-16	-28	-37
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	35	-1	▼	0	◀▶	6	▲	29	27	25	30	35
					Hmin	8	1	▲	2	▲	5	▲	6	4	4	5	13
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	31	-1	▼	2	▲	8	▲	29	27	25	25	30
					Hmin	22	1	▲	5	▲	4	▲	20	19	18	18	20
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	34	-2	▼	-1	▼	-6	▼	32	30	28	28	33
					Hmin	27	0	◀▶	2	▲	-5	▼	25	24	23	23	25
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	35	-2	▼	-2	▼	-1	▼	33	31	29	29	34
					Hmin	29	1	▲	2	▲	1	▲	27	26	25	25	27
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	45	0	◀▶	1	▲	3	▲	42	40	38	38	43
					Hmin	37	1	▲	3	▲	3	▲	35	34	33	33	35
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	45	0	◀▶	2	▲	14	▲	39	37	35	40	45
					Hmin	12	1	▲	-4	▼	5	▲	10	8	8	9	19
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	66	0	◀▶	11	▲	33	▲	60	58	56	61	66
					Hmin	42	-1	▼	2	▲	20	▲	40	38	38	39	49
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	50	-2	▼	-1	▼	4	▲	44	42	40	45	50
					Hmin	33	-2	▼	-6	▼	-1	▼	31	29	29	30	36
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	47	0	◀▶	24	▲	31	▲	41	39	37	42	47
					Hmin	34	3	▲	20	▲	25	▲	32	30	30	31	37
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	81	0	◀▶	11	▲	32	▲	75	73	71	76	81
					Hmin	53	-2	▼	-2	▼	21	▲	51	49	49	50	60
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	96	-4	▼	7	▲	31	▲	90	88	86	91	96
					Hmin	45	0	◀▶	-4	▼	15	▲	43	41	41	42	52
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	74	-1	▼	8	▲	20	▲	68	66	64	69	74
					Hmin	40	-2	▼	-6	▼	6	▲	38	36	36	37	43

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	59	-1	▼	2	▲	7	▲	54	52	50	55	60
					Hmin	36	-3	▼	-7	▼	2	▲	34	32	32	33	39
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	44	1	▲	4	▲	11	▲	39	37	35	40	45
					Hmin	26	-2	▼	-2	▼	13	▲	24	22	22	23	29
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	24	-1	▼	3	▲	-7	▼	22	20	25	30	33
					Hmin	-6	-19	▼	-5	▼	18	▲	-4	-2	-4	-6	-8
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	47	-8	▼	8	▲	9	▲	32	37	50	62	72
					Hmin	-21	-1	▼	18	▲	15	▲	-21	-25	-30	-34	-38

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





